

Bản án số: 46/2017/HS-ST
Ngày 23 tháng 8 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Trà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Mai
2. Ông Nguyễn Minh Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Văn Hà - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2017/HSST ngày 20 tháng 7 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/HSST-QĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S, sinh ngày 27/01/1973; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị N (đã ly hôn) và 03 con, con lớn tuổi nhất sinh năm 1995, con nhỏ tuổi nhất sinh năm 2012; tiền án: có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2015/HSST ngày 08/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Chứa mại dâm”; bị cáo chấp hành xong hình phạt về địa phương ngày 18/9/2016; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Chu Thị D, sinh năm 1982; trú tại: xã X, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983; trú tại: thôn S, xã Đ, huyện E, tỉnh Yên Bái, “vắng mặt”.

- Anh Vũ Trọng T, sinh năm 1953; trú tại: thôn S1, xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- Anh Hoàng Trọng H, sinh năm 1962; trú tại: khu 3, xã H, thành phố G, tỉnh Phú Thọ, “vắng mặt”.

- Chị Đào Thị M, sinh năm 1973; Trú tại: thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012 bị cáo Nguyễn Văn S sống chung như vợ chồng cùng với chị Đào Minh H2 (tên gọi khác là Đào Thị C) và có một con chung. Từ đầu năm 2013, bị cáo S và chị H2 kinh doanh nhà nghỉ A tại tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Từ năm 2016, S và chị H2 nhờ chị Đào Thị M (là em ruột của chị H2) đứng tên xin và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lấy tên là nhà nghỉ A đứng tên chị M nhưng thực tế vẫn là S và chị H2 quản lý kinh doanh nhà nghỉ này.

Khoảng 12h30' ngày 12/4/2017, Nguyễn Văn S đang ở nhà nghỉ A thì có hai người đàn ông là ông Vũ Trọng T và anh Hoàng Trọng H đến nhà nghỉ A mục đích để mua dâm. Khi đến nhà nghỉ A, ông T hỏi S: “*Có nhân viên không*”, S và ông T đều hiểu là có gái bán dâm không. S trả lời “*Có*”, ông T lại hỏi: “*Bao nhiêu tiền một lượt*”, S trả lời: “*hai trăm năm mươi nghìn đồng một lượt*”, ông T bảo S gọi cho hai nhân viên để mua dâm. S đồng ý và lấy điện thoại Nokia của S ra gọi điện thoại cho hai gái bán dâm là Chu Thị D và Nguyễn Thị H1 với nội dung bảo D, H1 sang nhà nghỉ A bán dâm cho khách. Sau khi gọi điện cho D, H1 xong thì S bảo ông T lên phòng 302, anh H lên phòng 306 tầng 3 nhà nghỉ nằm chờ. Ông T lấy ra một tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng bảo S đổi thành tiền lẻ hộ mục đích để ông T cho gái bán dâm. S đổi cho ông T thành hai tờ tiền polime mệnh giá 100.000đ, ông T lấy lại một tờ tiền polime mệnh giá 100.000đ và đưa thêm cho S hai tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng, tổng cộng là 500.000 đồng để trả tiền mua dâm cho 2 người là ông T và anh H, S cất vào túi quần dài trong phòng ngủ tầng 1 nhà nghỉ. Ông T và anh H lên phòng nằm chờ gái bán dâm đến, khoảng 5 phút sau thì D và H1 mỗi người cầm theo một bao cao su sang nhà nghỉ A gặp S, S bảo D lên phòng 302, H1 lên phòng 306 tầng 3 nhà nghỉ bán dâm cho ông T và anh H. Khi D đang giao cấu với ông T tại phòng 302, H1 đang giao cấu với anh H tại phòng 306 tầng 3 nhà nghỉ A thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc vào kiểm tra, phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu “NUMBER ONE”, 01 lõi bao cao su đã sử dụng tạm giữ được ở phòng 302.

- 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu “NUMBER ONE”, 01 lõi bao cao su đã sử dụng tạm giữ được ở phòng 306.

- 500.000 đồng gồm 02 tờ tiền polime mệnh giá 200.000đ, 01 tờ tiền polime mệnh giá 100.000đ trong túi quần dài bên phải của S; 5.182.000đ trong túi quần sau của S.

- 01 chiếc điện thoại NOKIA 220 màu trắng, bên trong có lắp 02 sim gồm 0944.831.969 và 01643.725.629 của Nguyễn Văn S.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen trắng bên trong không có thẻ sim tại quầy lễ tân.

- 01 đầu thu camera nhãn hiệu AJHUA màu đen tại phòng ngủ tầng 1 nhà nghỉ A.

Tại bản Kết luận giám định số 348/KLGD ngày 20/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã kết luận:

“Sao lưu và trích xuất được dữ liệu là 06 tệp tin video, thời gian từ 12h đến 14h ngày 12/4/2017 (theo thời gian cài đặt trên đầu ghi hình). Chụp và in được 04 ảnh các đối tượng xuất hiện ở khu vực lễ tân có hành vi đưa, nhận đồ vật có hình dạng, kích thước giống các tờ tiền cho nhau từ các tệp tin video trích xuất được”.

Đối với Chu Thị D, Nguyễn Thị H1 đã có hành vi bán dâm. Ngày 10/5/2017 Phòng PC45 – Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với D và H1, mức phạt 200.000đ. D và H1 đã chấp hành xong.

Đối với Vũ Trọng T và Hoàng Trọng H là các đối tượng mua dâm đã khai nhận toàn bộ hành vi mua dâm của mình ngày 12/4/2017 tại nhà nghỉ A như nội dung vụ án đã nêu trên. Ngày 10/5/2017 Phòng PC45, Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T và H, mức phạt là 750.000đ. T và H đã chấp hành xong.

Đối với chị Đào Minh H2 là người đã cùng S kinh doanh nhà nghỉ A nhưng khi Cơ quan điều tra bắt quả tang 02 đôi nam nữ đang mua bán dâm thì H2 không ở nhà và cũng không bàn bạc, tham gia gì việc chứa mại dâm với S, do đó cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý về hình sự đối với chị H2 là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị L là chủ nhà trọ mà D và H1 là các gái bán dâm thuê trọ. Kết quả điều tra xác định chị L không biết việc D, H1 đi bán dâm do đó Công an tỉnh Vĩnh Phúc không đề cập xử lý về hình sự đối với chị L là phù hợp.

Đối với chị Đào Thị M là người đứng tên kinh doanh nhà nghỉ A. Kết quả điều tra xác định chị M chỉ đứng tên hộ trong giấy phép kinh doanh theo yêu cầu của S và H2 chứ thực chất chị M không kinh doanh, không hưởng quyền lợi gì ở nhà nghỉ A chị M cũng không được tham gia bất kỳ hoạt động nào của nhà nghỉ A nên Công an tỉnh Vĩnh Phúc không đề cập xử lý về hình sự đối với chị M là phù hợp. Tuy vậy Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã có văn bản gửi đến phòng Tài chính kế hoạch huyện V đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhà nghỉ A do chị Đào Thị M đứng tên.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S vẫn khai nhận như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Bản cáo trạng số: 47/2017/KSĐT-P1 ngày 20 tháng 7 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố Nguyễn Văn S về tội “Chứa mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn S về tội Chứa mại dâm theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 327, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S với mức hình phạt tù 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù và xử lý vật chứng theo qui định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn S nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

XÉT THẤY

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn S tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với kết luận giám định, lời khai của người liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 12/4/2017, tại nhà nghỉ A ở tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc do Nguyễn Văn S làm chủ, có 02 người nam giới là Vũ Trọng T và Hoàng Trọng H đến đặt vấn đề với S về việc mua dâm. Sau đó Vũ Trọng T đã đưa cho S 500.000đ tiền mua dâm cho 2 người. S nhận tiền rồi gọi điện thoại

cho Chu Thị D, Nguyễn Thị H1 là gái bán dâm đến nhà nghỉ A để bán dâm cho T và H. Khi T, H, D và H1 đang mua bán dâm tại các phòng 302 và 306 nhà nghỉ A thì bị lực lượng công an phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Chứa mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 01 năm đến 07 năm tù. Tuy nhiên căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14. Căn cứ khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo luật số 12/2017/QH14 quy định có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù, do vậy để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội bị cáo được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo luật số 12/2017/QH14.

[2] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, xâm phạm đến trật tự công cộng, đạo đức xã hội, ảnh hưởng đến nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, sức khỏe của con người và là nguyên nhân làm lây truyền các loại virus gây bệnh xã hội nguy hiểm. Do vậy, phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục riêng và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Văn S là người đã thành niên, bản thân có sức khỏe và có hiểu biết nhất định về pháp luật nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện để làm ăn chân chính mà muốn kiếm tiền nhanh chóng trên thân thể của người phụ nữ. Chỉ vì lợi nhuận bị cáo đã liên kết với các gái mại dâm tạo thành hệ thống mại dâm để thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, tại Bản án số 94/2015/HSST ngày 08/12/2015 đã bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về Chứa mại dâm, bị cáo chấp hành xong hình phạt về địa phương ngày 18/9/2016, chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo lại tiếp tục phạm tội cùng loại. Như vậy chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó phải xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn để các bị cáo có thời gian cải tạo tu dưỡng bản thân, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức án đúng quy định của pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, bố để bị cáo được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến. Do đó cần cho bị cáo hưởng các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: tại Bản án số 94/2015/HSST ngày 08/12/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về tội Chứa mại dâm, bị cáo chấp hành xong hình phạt về địa phương ngày 18/9/2016, ngày 12/4/2017 bị cáo lại tiếp tục phạm tội, do vậy lần phạm tội này của bị cáo căn cứ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự 1999 là tái phạm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định, từ đó mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 254 Bộ luật Hình sự 1999 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng...”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Trong vụ án này theo các tài liệu, chứng cứ, tang vật thu giữ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo Chứa mại dâm với mục đích lợi nhuận, vì vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ số tiền 500.000đ của bị cáo là tiền do bị cáo thu từ việc Chứa mại dâm, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 220 màu trắng của bị cáo do đã sử dụng vào việc phạm tội. Căn cứ khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003 cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu “NUMBER ONE” và 02 lõi bao cao su đã qua sử dụng, hiện không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền 5.182.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng và 01 đầu thu camera nhãn hiệu AJHUA của bị cáo không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng khoản 1,5 Điều 254; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày

20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 327; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo luật số 12/2017/QH14, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Chứa mại dâm”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/4/2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Văn S 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 220 màu trắng.

- Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu “NUMBER ONE” và 02 lõi bao cao su đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 5.182.000 đồng (Năm triệu một trăm tám hai nghìn đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng và 01 đầu thu camera nhãn hiệu AJHUA, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Đặc điểm tang vật như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/8/2017)

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đã được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Thi hành án dân sự, hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Toà Hình sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thanh Trà